

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **89** /GPMT-UBND

Quảng Trị, ngày **15** tháng **11** năm 2023

## **GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông báo số 4110/STNMT-CCBVMT ngày 25/10/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Trang trại chăn nuôi lợn kết hợp nông nghiệp công nghệ cao trồng dược liệu (giai đoạn 1);*

*Xét nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án Trang trại chăn nuôi lợn kết hợp nông nghiệp công nghệ cao trồng dược liệu (giai đoạn 1) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản giải trình số 09/CVMT ngày 08/11/2023 của Công ty TNHH Solar Kesaf 1;*

*Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4363/TTr-STNMT ngày 10/11/2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Solar Kesaf 1, địa chỉ tại số 03, đường Lê Quý Đôn, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Trang trại chăn nuôi kết hợp nông nghiệp công nghệ cao trồng dược liệu (giai đoạn 1) với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của dự án đầu tư:**

1.1. Tên dự án: Trang trại chăn nuôi kết hợp nông nghiệp công nghệ cao trồng dược liệu (giai đoạn 1).

1.2. Địa điểm hoạt động: thôn Xa Bai, xã Hướng Linh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4840477408 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 06/08/2021, thay đổi lần thứ 2 ngày 05/06/2023.

1.4. Mã số thuế: 3200710637



1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chăn nuôi lợn thịt theo quy mô công nghiệp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Tổng diện tích của dự án: 253.326m<sup>2</sup>, gồm 12 chuồng chăn nuôi với kích thước 17.515m<sup>2</sup>, các công trình phụ trợ: nhà làm việc, nhà ở công nhân, nhà vệ sinh, nhà sát trùng xe, nhà sát trùng công nhân, nhà ăn và công trình phụ trợ khác; công trình bảo vệ môi trường, đất dự trữ trồng cỏ ngọt trong giai đoạn 2.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)

- Công suất: 12.000 con lợn thương phẩm/đợt nuôi; 1 năm nuôi 2 đợt.

- Dự án có tiêu chí về môi trường tương đương như Dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tóm tắt quy trình công nghệ chăn nuôi lợn thịt: Lợn giống (Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam cung cấp) → Quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng, tiêm vaccine → Lợn thương phẩm → Xuất bán (Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam thu mua).

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Solar Kesaf 1 có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(từ ngày 15 tháng 11 năm 2023 đến ngày 15 tháng 11 năm 2033).

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án theo quy định của pháp luật. / *th*

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH Solar Kesaf 1;
- Chủ tịch, PCTTT Hà Sỹ Đồng;
- Các Sở: TN&MT, NN&PTNT;
- UBND huyện Hướng Hóa;
- UBND xã Hướng Linh;
- Công ty Thủy điện Quảng Trị;
- Trang TTĐT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT(Thu). *tu*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hà Sỹ Đồng**



**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU**  
**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
**Dự án: Trang trại chăn nuôi kết hợp nông nghiệp công nghệ cao**  
**trồng dược liệu (giai đoạn 1)**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **29** /GPMT-UBND ngày **15** tháng **11** năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

## **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

### **1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân tại Nhà bảo vệ
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt của công nhân tại Nhà vận hành HTXLNT
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt của công nhân tại Nhà kỹ thuật
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt của công nhân tại Nhà ở công nhân 1
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt của công nhân tại Nhà ở công nhân 2
- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt của công nhân tại Nhà điều hành
- Nguồn số 07: Nước thải chăn nuôi từ khu vực chăn nuôi

### **2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

#### **2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải**

- Dòng thải số 01 (tương ứng nguồn số 01): Nước thải sau xử lý tại bể tự hoại 03 ngăn có thể tích  $2m^3$  ( $1 \times 2 \times 1$ )m được thấm ra môi trường.
- Dòng thải số 02 (tương ứng nguồn số 02): Nước thải sau xử lý tại bể tự hoại 03 ngăn có thể tích  $2m^3$  ( $1 \times 2 \times 1$ )m được thấm ra môi trường.
- Dòng thải số 03 (tương ứng nguồn số 03, 04, 05, 06, 07): Nước thải sinh hoạt tại Nhà kỹ thuật, Nhà ở công nhân 1, Nhà ở công nhân 2, Nhà điều hành sau xử lý tại 04 bể tự hoại 03 ngăn có thể tích  $16m^3$ /bể ( $2 \times 4 \times 2$ )m được đưa về rãnh thoát nước thải của chuồng chăn nuôi 1 nhập cùng với nước thải chăn nuôi, sau đó xử lý tại Hệ thống xử lý nước thải tập trung. Nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải được thải vào khe nước tự nhiên, cách khu vực dự án 20m về phía Đông, sau đó chảy về hồ Thủy lợi – Thủy điện Quảng Trị (hồ Rào Quán).

#### **2.2. Vị trí xả nước thải**

- Vị trí xả nước thải: Trang trại chăn nuôi kết hợp nông nghiệp công nghệ cao trồng dược liệu tại thôn Xa Bai, xã Hướng Linh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.
- Tọa độ vị trí xả nước thải:
  - + Dòng thải số 01: Hồ thấm sau bể tự hoại tại nhà bảo vệ. Tọa độ: X: 1.847.875 m; Y: 549.032 m.
  - + Dòng thải số 02: Hồ thấm sau bể tự hoại tại nhà vận hành HTXLNT. Tọa độ: X: 1.847.697 m; Y: 549.386 m.



+ Dòng thải số 03: Tại khe nước tại góc phía Đông của Dự án. Tọa độ: X: 1.847.628 m; Y: 549.423 m. Nước sau xả thải tự chảy về khe thoát nước của khu vực và chảy về hồ Rào Quán.

(Hệ tọa độ VN2000, KTT 160<sup>0</sup>15', múi chiều 3<sup>0</sup>).

**2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:** 200,5 m<sup>3</sup>/ngày đêm

**2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Dòng thải số 01: Nước thải xử lý thấm vào đất tại nhà bảo vệ.
- Dòng thải số 02: Nước thải xử lý thấm vào đất tại nhà vận hành HTXLNT.
- Dòng thải số 03: Nước thải sau xử lý được dẫn tự chảy bằng đường ống HDPE D160m (dài khoảng 20m), nước thải chảy đến địa điểm khe nước tự nhiên, sau đó chảy về hồ Rào Quán (thôn Xa Bai, xã Hướng Linh, huyện Hướng Hóa).

**2.3.2. Chế độ xả nước thải:** Xả liên tục trong ngày (24 giờ)

**2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:**

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

- Dòng thải số 01, 02: Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt Quy chuẩn cho phép trước khi xả thải theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K=1,2). Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải cụ thể ở bảng sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9	Không áp dụng	Không áp dụng
2	BOD <sub>5</sub> (20 °C)	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200		
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
11	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000		

- Dòng thải số 03: Nước thải chăn nuôi sau xử lý của Trang trại đảm bảo đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B, K<sub>q</sub> = 1, K<sub>f</sub> = 1,0). Nồng độ các chất ô nhiễm sau xử lý đạt giới hạn cho phép như sau:



TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kì	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	TSS	mg/l	150		
3	BOD <sub>5</sub>	mg/l	100		
4	COD	mg/l	300		
5	Tổng N	mg/l	150		
6	Coliform	MPN/100ml	5.000		

Vào những ngày nắng, khi Trang trại tái sử dụng nước thải để tưới cây trong phạm vi trang trại, chất lượng nước thải tưới cây phải đảm bảo đạt QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước thải**

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Đối với nước thải tại nhà bảo vệ: được thu gom bằng ống PVC Ø110 từ nhà vệ sinh dẫn vào 01 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 2m<sup>3</sup> để xử lý, sau đó thấm ra môi trường.

+ Đối với nước thải tại nhà vận hành HTXLNT: được thu gom bằng ống PVC Ø110 từ nhà vệ sinh dẫn vào 01 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 2m<sup>3</sup> để xử lý, sau đó thấm ra môi trường.

+ Đối với nước thải tại Nhà kỹ thuật: được thu gom bằng ống PVC Ø110 từ nhà vệ sinh dẫn vào 01 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 16m<sup>3</sup> để xử lý, nước thải được đưa về giếng bơm, từ giếng bơm làm đường ống Ø42 dài khoảng 50m đưa về rãnh thoát nước thải của chuồng chăn nuôi 1, sau đó được xử lý chung với nước thải chăn nuôi.

+ Đối với nước thải Nhà ở công nhân 1: được thu gom bằng ống PVC Ø110 từ nhà vệ sinh dẫn vào 01 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 16m<sup>3</sup> để xử lý, nước thải được đưa về giếng bơm, từ giếng bơm làm đường ống Ø42 dài khoảng 50m đưa về rãnh thoát nước thải của chuồng chăn nuôi 1, sau đó được xử lý chung với nước thải chăn nuôi.

+ Đối với nước thải Nhà ở công nhân 2: được thu gom bằng ống PVC Ø110 từ nhà vệ sinh dẫn vào 01 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 16m<sup>3</sup> để xử lý, nước thải được đưa về giếng bơm, từ giếng bơm làm đường ống Ø42 dài khoảng 50m đưa về rãnh thoát nước thải của chuồng chăn nuôi 1, sau đó được xử lý chung với nước thải chăn nuôi.

+ Đối với nước thải Nhà điều hành: được thu gom bằng ống PVC Ø110 từ nhà vệ sinh dẫn vào 01 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 16m<sup>3</sup> để xử lý, nước thải được



đưa về giếng bơm, từ giếng bơm làm đường ống Ø42 dài khoảng 50m đưa về rãnh thoát nước thải của chuồng chăn nuôi 1, sau đó được xử lý chung với nước thải chăn nuôi.

- Đối với nước thải sản xuất: Mỗi chuồng nuôi của Dự án được chia thành 2 dãy, mỗi dãy có 7 ô. Dự án đã xây dựng hệ thống máng gom phân và nước tiểu lợn phát sinh tại chuồng bằng BTXM bố trí chạy dọc 2 bên dãy chuồng nuôi, rộng 0,5m, dài 80m, thấp hơn nền chuồng khoảng 10cm. Tại mỗi ô nuôi đã được lắp đường ống nhựa PVC D110mm, dài 2m tính từ máng gom nước thải để dẫn nước thải đã thu gom tại máng ra đường ống thu gom nước thải chung bằng nhựa PVC D=160mm, có bố trí các hố ga ở phía cuối mỗi chuồng nuôi, dẫn xuống hầm chứa để tách phân. Toàn bộ hệ thống thu gom nước thải chăn nuôi có chiều dài khoảng 1.981m.

### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

- Nguồn số 01: Nước thải được xử lý tại 01 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 2m<sup>3</sup> để xử lý, sau đó thấm ra môi trường.

- Nguồn số 02: Nước thải được xử lý tại 01 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 2m<sup>3</sup> để xử lý, sau đó thấm ra môi trường.

- Nguồn số 03: Nước thải được xử lý tại 01 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 16m<sup>3</sup> → rãnh thoát nước thải của chuồng chăn nuôi 1.

- Nguồn số 04: Nước thải được xử lý tại 01 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 16m<sup>3</sup> → rãnh thoát nước thải của chuồng chăn nuôi 1.

- Nguồn số 05: Nước thải được xử lý tại 01 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 16m<sup>3</sup> → rãnh thoát nước thải của chuồng chăn nuôi 1.

- Nguồn số 06: Nước thải được xử lý tại 01 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 16m<sup>3</sup> → rãnh thoát nước thải của chuồng chăn nuôi 1.

- Nguồn số 07: Xử lý bằng công nghệ sinh học Biogas kết hợp SBR, hóa lý và khử trùng.

+ Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt từ nguồn số 03, 04, 05, 06 sau xử lý bằng bể tự hoại và nước thải từ khu vực chăn nuôi → Hố gom, tách phân → Bể lắng sơ bộ 01 → Bể lắng sơ bộ 02 → Hầm biogas → Bể điều hòa → Bể Anoxic → 2 tank sinh học hiếu khí SBR → Mương phản ứng → Bể lắng 03 → Bể khử trùng → Hố ga lấy mẫu → chảy vào 02 hồ sinh học và bố trí máy bơm để tưới cho cây trồng trong trang trại. Vào mùa hè, thời tiết nắng liên tục, Trang trại tận dụng tối đa lượng nước thải để tưới cây trong toàn bộ Trang trại với tần suất 2 ngày/lần. Vào mùa mưa (ngày có mưa) hoặc thời điểm hồ sinh học đầy thì nước thải từ hố ga tự chảy ra ngoài bằng đường ống HDPE D160m (dài khoảng 20m) thải ra khe nước tự nhiên, sau đó chảy về hồ Rào Quán.

+ Công suất thiết kế hệ thống xử lý nước thải: 250m<sup>3</sup>/ngày.đêm.



### **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Công trình ứng phó sự cố:

+ Hồ sinh học điều tiết và ứng phó sự cố với thể tích 4.796 m<sup>3</sup>.

+ 02 hồ sinh học với thể tích chứa lần lượt là 5.284 m<sup>3</sup> và 6.980 m<sup>3</sup>

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

+ Thường xuyên kiểm tra, theo dõi và thông báo kịp thời với đơn vị xây dựng hệ thống xử lý trong trường hợp có sự cố.

+ Thực hiện đúng quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, tăng cường kiểm tra giám sát vào thời điểm mưa, bão để điều chỉnh vận hành kịp thời.

+ Khi xảy ra sự cố, trang trại cần lưu giữ nước tại các hồ sinh học, sau đó nhanh chóng khắc phục sự cố và bơm nước hoàn về bể thu gom để đưa vào xử lý.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

### **2.1 Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:**

Dự kiến 03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường được cấp (có thể muộn hơn trong trường hợp khối lượng nước phát sinh không đảm bảo công suất vận hành thử nghiệm).

### **2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:**

Hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi công suất 250m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

#### **2.2.1. Vị trí lấy mẫu:**

Vị trí lấy mẫu đầu vào: Nước thải trước khi vào bể tiếp nhận, trước máy tách phân.

Vị trí lấy mẫu đầu ra: 01 vị trí ở hố gas lấy mẫu; 01 vị trí tại hồ sinh học số 2.

#### **2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:**

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý nước thải chăn nuôi theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục A Phụ lục này.

### **2.3. Tần suất lấy mẫu:**

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể:

+ Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất (75 ngày): 06 mẫu tổ hợp đầu vào (trước khi vào bể tiếp nhận, trước máy tách phân), 06 mẫu tổ hợp đầu ra (ở hố gas lấy mẫu), 01 mẫu tổ hợp đầu ra tại hồ sinh học số 2;



+ Giai đoạn ổn định (07 ngày liên tiếp): 01 mẫu đơn nước thải đầu vào (trước khi vào bể tiếp nhận, trước máy tách phân), 07 mẫu đơn đầu ra (ở hồ gas lấy mẫu); 01 mẫu đơn đầu ra tại hồ sinh học số 2.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải (sinh hoạt, chăn nuôi) phát sinh của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường. Vào mùa hè, tận dụng tối đa nước thải để tái sử dụng nước thải phục vụ tưới cây trong trang trại, chất lượng nước thải tưới cây phải đảm bảo đạt QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất (nếu có) để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.



**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

**Dự án: Trang trại chăn nuôi kết hợp nông nghiệp công nghệ cao**  
**trồng được liệu (giai đoạn 1)**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **89** /GPMT-UBND ngày **15** tháng **11** năm 2023  
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

## **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

### **1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Mùi hôi phát sinh từ quạt thông gió, hồ tách phân, hồ lắng.
- Nguồn số 02: Khí thải từ phát sinh từ hầm biogas
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ hoạt động của lò đốt xác lợn chết.

### **2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

#### **2.1. Vị trí xả khí thải**

- Dòng thải số 01: Mùi hôi phát sinh từ chuồng nuôi, hồ tách phân, đây là nguồn phân tán bên trong Trang trại.
- Dòng thải số 02: Tại ống xả khí gas ở hầm biogas. X: 1.847.746m, Y: 549.742m.
- Dòng thải số 03: Tại ống khói lò đốt xác: X: 1.847.770m, Y: 549.496m  
 (Hệ tọa độ VN2000, KTT 106<sup>0</sup>15', múi chiều 3<sup>0</sup>).

#### **2.2. Lưu lượng phát sinh lớn nhất:**

- Dòng thải số 01: Nguồn phân tán không xác định lưu lượng
- Dòng thải số 02: 561,6m<sup>3</sup>/ngày
- Dòng thải số 03: 500m<sup>3</sup>/giờ

##### **2.2.1. Phương thức xả thải**

- Dòng thải số 01: Sau quạt thông gió của chuồng nuôi xả ra môi trường và khu vực hồ tách phân, hồ lắng, thải liên tục (24 giờ).
- Dòng thải số 02: Khí thải hầm bị ga được xả ra môi trường qua xả ống dẫn ga, xả gián đoạn.
- Dòng thải số 03: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói, xả gián đoạn (chỉ xả khí thải khi vận hành lò đốt xác lợn chết không do dịch bệnh)

##### **2.2.2. Chất lượng xả ra môi trường**

Chất lượng khí thải trước khi xả môi trường tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với khí thải, cụ thể như sau:



- Dòng thải số 1: Do lượng mùi phát sinh từ chuồng trại là nguồn thải phát tán, không xác định được lưu lượng nên quy chuẩn xả thải của trang trại là QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn Quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	NH <sub>3</sub>	mg/m <sup>3</sup>	0,2	06 tháng/lần	Không áp dụng
2	H <sub>2</sub> S	mg/m <sup>3</sup>	0,042		
3	CH <sub>3</sub> SH (Methyl mecarptan)	mg/m <sup>3</sup>	0,05		

Vị trí quan trắc định kỳ: 02 vị trí tại khu vực công trại; khu vực phía sau quạt thông gió của chuồng nuôi.

- Dòng thải số 02: Chất lượng khí thải đầu đốt khí gas từ hầm biogas phải đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, Kp = 1, Kv = 1,4), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	NH <sub>3</sub>	mg/m <sup>3</sup>	70	06 tháng/01 lần	Không áp dụng
2	H <sub>2</sub> S	mg/m <sup>3</sup>	10,5		
3	CO	mg/m <sup>3</sup>	1.400		

- Dòng thải số 03: Chất lượng khí thải phát sinh từ hoạt động của lò đốt xác lợn chết phải đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, Kp = 1, Kv = 1,4), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	280	Không áp dụng	Không áp dụng
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	700		
3	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	1.190		
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.400		
5	Amoniac	mg/Nm <sup>3</sup>	70		
6	H <sub>2</sub> S	mg/m <sup>3</sup>	10,5		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI VIỆC THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

#### 1.1. Mạng lưới thu gom và xử lý bụi, khí thải



Dự án xây dựng công trình xử lý khí thải từ lò đốt xác. Xác heo chết không do dịch bệnh, nhau thai được đưa về lò đốt xác tại khu vực dự án để xử lý. Tại đây, sử dụng nhiên liệu từ khí ga của hầm biogas để xử lý. Thông số kỹ thuật của lò đốt xác như sau:

TT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Giá trị
1	Công suất tiêu hủy	Kg/2-3h	100
2	Thời gian lưu khí	giây	>1,5
3	Lượng oxi dư	%	≥6
4	Tiêu hao nhiên liệu khí biogas	m <sup>3</sup>	500
5	Nhiệt độ khói thải thoát ra môi trường	°C	<200
6	Nhiệt độ ngoài vỏ lò	°C	≥60
7	Chiều cao ống khói	m	3
8	Kích thước lò đốt	L×B×H	3000×1750×5000

### 1.2. Các công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

- Chuồng trại đã được xây dựng với thiết kế thoáng mát, lắp đặt các quạt làm mát và hút mùi.

- Sử dụng nguồn thức ăn có trộn chế phẩm men vi sinh để tăng cường tiêu hóa, hạn chế mùi từ phân.

- Thường xuyên vệ sinh chuồng trại, không để phân và nước thải ứ đọng lâu ngày;

- Đã tiến hành trồng cây xanh trong khuôn viên khu vực, diện tích trên 20% tổng diện tích trang trại. Trong thời gian tới sẽ tiến hành trồng thêm cây xanh để đảm bảo tỷ lệ cây xanh đạt 30,3% diện tích.

- Vệ sinh chuồng trại (tần suất 11 lần /ngày), tiến phun chế phẩm EM, phun thuốc sát trùng (tần suất 5-7 ngày/lần), cho chế phẩm EM cho thức ăn, nước uống của vật nuôi. Liều dùng khi trộn vào thức ăn khoảng 3 - 5ml EM/1 kg thức ăn hoặc pha trực tiếp vào nước là 1 - 3ml EM/1 lít nước, dùng mỗi ngày. Sử dụng để khử mùi hôi thì dùng 20 - 30ml EM hòa vào 8 lít nước phun trực tiếp vào chuồng trại, tần suất 7 ngày/lần. Bơm chế phẩm EM khử mùi tại 03 bể gom, bể lắng sơ bộ 1, 2 với tần suất 02 lần/ngày.

- Xây dựng hầm biogas có che phủ bằng bạt HDPE.

- Lắp đặt van xả khí có đầu xả được lắp đặt bằng inox tại hầm biogas và tiến hành đốt khí xả khí để giảm thiểu mùi hôi.

## 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh khí thải phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

2.2. Đảm bảo sử dụng đầy đủ chế phẩm EM, thực hiện nghiêm túc các phương án giảm thiểu mùi hôi.

2.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Phụ lục này ra môi trường.



**Phụ lục 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

**Dự án: Trang trại chăn nuôi kết hợp nông nghiệp công nghệ cao**  
**trồng dược liệu (giai đoạn 1)**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **89** /GPMT-UBND ngày **15** tháng **11** năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

## A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

### 1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	CTNH	Mã CTNH	Khối lượng
1	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	5 kg/năm
2	Hộp mực in	08 03 18	3kg/năm
3	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn như kim tiêm, ...lợn dịch bệnh) từ thú y thải	13 02 01	10kg; Lợn dịch: tùy theo khả năng phòng chống dịch bệnh
4	Bao bì cứng thải (không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ như bao bì hóa chất độc hại, vỏ chai thuốc thú y...)	14 01 06	25-30 kg/năm

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh

TT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh
1	Phân lợn	14.400 (kg/ngày)
2	Bùn nạo vét từ hầm biogas, hệ thống xử lý nước thải (1năm/1lần)	262 tấn (tấn/năm)
3	Bao bì thức ăn	221 (kg/ngày)

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 17,5 kg/ngày.

### 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: 01 thùng chứa 120L kín để thu gom và lưu giữ CTNH.
- Kho/khu vực lưu chứa CTNH: Được lưu giữ trong nhà kho.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTR công nghiệp thông thường

- Thiết bị chứa: Thùng chứa, bao bì chống thấm
- Kho, bãi lưu chứa chất thải:



- + Số lượng: 01 nhà chứa khu vực để máy tách phân
- + Kho chứa phân lợn, bùn thải, bã thải từ các hầm Biogas sau ép: Nhà ép phân với diện tích 167m<sup>2</sup> được lợp mái tôn.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Thiết bị lưu chứa: 04 Thùng chứa có nắp đậy dung tích 120 lít.
- Kho lưu giữ: Nhà chứa CTR 21m<sup>2</sup>

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT

### **3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:**

- Chất thải nguy hại: bóng đèn vỡ, dầu nhớt thải... lượng không đáng kể, bố trí thùng đựng chuyên dụng 120L, lưu kho. Sau khi đủ khối lượng sẽ liên hệ, tìm kiếm với các đơn vị trên địa bàn để hợp đồng thu gom và đưa đi xử lý.

- Đối với CTNH là thuốc thú y hết hạn sử dụng, kim tiêm, vỏ thuốc thú y... sẽ được thu gom vào thùng đựng chuyên dụng và được Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam định kỳ thu gom, đưa đi xử lý theo như Hợp đồng Gia công chăn nuôi gia công heo thịt ngày 01/04/2023 giữa Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam - Chi nhánh 2 tại Đà Nẵng với Công ty TNHH Solar Kesaf 1 và đảm bảo đúng quy định về quản lý CTNH.

- Đối với CTNH là xác lợn bị dịch bệnh chết hàng loạt, Chủ Dự án sẽ thực hiện các biện pháp theo hướng dẫn của Công văn số 569/BNN-TY ngày 22/07/2019 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc hướng dẫn bổ sung một số biện pháp phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi và thực hiện theo QCVN 01- 41:2011/BNNPTNT: về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật, đồng thời phối hợp với các Cơ quan chức năng của địa phương để xử lý tiêu hủy đúng quy định

### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Sự cố cháy nổ: Thành lập đội PCCC tại chỗ, xây dựng nội quy về PCCC, trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC; Đưa ra các nội quy không được hút thuốc trong quá trình làm việc.

2. Sự cố tai nạn lao động, giao thông: Tổ chức tập huấn an toàn lao động; Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho CBCNV như khẩu trang, găng tay, mũ, giày...; Chấp hành nghiêm chỉnh luật an toàn giao thông đường bộ.



3. Sự cố mưa bão, sạt lở: Thiết kế chuồng trại theo đúng tiêu chuẩn xây dựng; gia cố bờ kè phía Đông đảm bảo khả năng phòng ngừa sạt lở; Có phương án phòng chống và ứng phó sự cố khi mưa bão xảy ra.

4. Dịch bệnh: Chủ động trong khâu phòng ngừa dịch bệnh một cách nghiêm ngặt; Xây dựng hệ thống khử trùng ngay cổng vào, định kỳ phun tiêu độc khử trùng, rắc vôi,..quanh chuồng trại; bố trí khu cách ly lợn.

5. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT để có biện pháp quản lý phù hợp.

6. Sự cố lợn chết và dịch bệnh: Đối với các trường hợp lợn chết với số lượng quá lớn hoặc do nghi ngờ bệnh có thể lây lan, Chủ dự án báo cáo với chính quyền địa phương và cơ quan thú y để được hướng dẫn, xử lý theo quy định của pháp luật về thú y và tiến hành biện pháp xử lý tuân thủ quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; QCVN 01-41:2011/BNNPTNT về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

### **C. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CTR, CTNH CỦA DỰ ÁN**

1. Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng bảo quản lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH.

2. Vị trí giám sát: tại kho chứa CTR, CTNH của trang trại.

3. Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.



**Phụ lục 4**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**Dự án: Trang trại chăn nuôi kết hợp nông nghiệp công nghệ cao trồng dược liệu (giai đoạn 1)**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **89** /GPMT-UBND ngày **15** tháng **11** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:**

- Đã hoàn thành các hạng mục, công trình sản xuất, các yêu cầu bảo vệ môi trường trong giai đoạn 1; yêu cầu Chủ dự án tiếp tục thực hiện hạng mục, công trình sản xuất, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn 2 theo theo Quyết định số 2234/QĐ-UBND ngày 24/08/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trang trại chăn nuôi kết hợp trồng dược liệu công nghệ cao và sản xuất năng lượng tái tạo.

- Tiếp tục tổ chức trồng cây xanh đảm bảo diện tích 30,3% diện tích.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Kho lưu giữ CTNH phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH cho đơn vị có chức năng theo quy định (trừ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có ký hiệu TT-R theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.



4. Khí thải, mùi hôi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi:

- Khí thải từ hầm biogas phải được đảm bảo đốt hoàn toàn khi tiến hành xả khí dư thừa.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp theo Phần B Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

5. Nghiêm túc tuân thủ thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung được đề xuất.

6. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.